

Bản án số: 1172/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phú Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1278/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 792/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bàng M, sinh năm 1967

Căn cước số: 079167003990, ngày cấp: 22/9/2024, nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ thường trú: 2 H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi cư trú: A Lô B, Chung cư L, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Bàng M có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lôi A P (Loi A), sinh năm 1967

Căn cước công dân số: 079067013123, ngày cấp: 29/11/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 2 H, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi cư trú: 5 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2025, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Bàn M trình bày: Bà và ông Lôi A P (Loi A) kết hôn vào năm 1999, đôi bên có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyền số 01/99, do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/1999. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P bỏ đi nơi khác và chung sống với một người phụ nữ khác như vợ chồng. Bà và các con nhiều lần khuyên can nhưng ông P vẫn không nghe và không quay về với gia đình. Hiện nay, bà xác định bản thân không còn tình cảm vợ chồng với ông P vì thời gian đôi bên sống thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên: Bàn Thuận L, sinh năm 1990; Bàn Quang D, sinh năm 1993 và Bàn Quang H, sinh năm 1995. Các con chung hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà M xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, bà M xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Lôi A P (Loi A) trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp lời khai trong hồ sơ vụ án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bàn M vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lôi A P (Loi A) tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bàn M có đơn xin ly hôn ông Lôi A P (Loi A). Bị đơn ông Lôi A P (Loi A) có nơi cư trú tại số: 5 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bàn M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp. Đối với bị đơn ông Lôi A P (Loi A), mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lôi A P (Loi A).

[2] Về nội dung: Xét, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà M đối với ông P, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung trình bày của bà M thì trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P bỏ đi nơi khác và chung sống với một người phụ nữ khác như vợ chồng. Bà M và các con nhiều lần khuyên can nhưng ông P vẫn không nghe và không quay về với gia đình. Tòa án đã mở phiên hòa giải cũng như cho thời gian để tạo cơ hội cho bà M và ông P hàn gắn tình cảm nhưng ông P không đến Tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà M. Việc ông P không đến tòa đã thể hiện ý chí bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà M. Nay, bà M xác định mâu thuẫn giữa đôi bên đã rất trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M kiên quyết yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông P. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông P đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên: Bàn Thuận L, sinh năm 1990; Bàn Quang D, sinh năm 1993 và Bàn Quang H, sinh năm 1995. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Bàng M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Bàng M chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bàng M đối với ông Lôi A P (Loi A)

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bàng M được ly hôn với ông Lôi A P (Loi A)

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/99, do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/1999 cho bà Bàng M và ông Lôi A P (Loi A) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Đôi bên có 03 (ba) con chung tên: Bàng Thuận L, sinh năm 1990; Bàng Quang D, sinh năm 1993 và Bàng Quang H, sinh năm 1995. Các con chung hiện nay đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Bàng M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Bàng M chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Bàng M đã nộp theo biên lai số 0022360 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Bàng M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận, tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Kim Ngân